



## Bài 1 RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn và đơn giản; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; nhận biết được trình tự của các sự việc trong VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** quý trọng bản thân và ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và biết đặt câu hỏi.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Rửa tay trước khi ăn*.
- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*vi trùng, tiếp xúc, mắc bệnh, phòng bệnh*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

#### 2. Kiến thức đời sống

- Có sự hiểu biết về sự khác biệt giữa *vi trùng* và *vi khuẩn*. Vi trùng là sinh vật rất nhỏ, chỉ sống được trong tế bào sống, gây bệnh cho người và vật do thở, nuốt vào hay đột nhập vào lỗ hở trên da. Vi khuẩn là sinh vật đơn bào, rất nhỏ, có ở khắp nơi, sinh sản bằng cách phân bào. Bệnh do vi khuẩn lây nhiễm qua tiếp xúc, không khí, thực phẩm, nước và côn trùng.
- Có hiểu biết về một số bệnh trẻ em hay mắc do vi trùng gây nên.

### 3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc phần mềm máy tính phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### 1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi. (a. Vì sao các bạn phải rửa tay? b. Em thường rửa tay khi nào?)
- Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
- GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Rửa tay trước khi ăn*.

#### 2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- HS đọc câu
  - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS như *vi trùng, xà phòng, phòng bệnh, nước sạch*.
  - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Tay cầm thức ăn, / vi trùng từ tay / theo thức ăn đi vào cơ thể; Để phòng bệnh, / chúng ta / phải rửa tay / trước khi ăn.*)
- HS đọc đoạn
  - + GV chia VB thành 2 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *mắc bệnh*; đoạn 2: phần còn lại).
  - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài (*vi trùng*: sinh vật rất nhỏ, có khả năng gây bệnh; *tiếp xúc*: chạm vào nhau (dùng cử chỉ minh hoạ); *mắc bệnh*: bị một bệnh nào đó; *phòng bệnh*: ngăn ngừa để không bị bệnh).
  - + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB.
  - + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
  - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

### TIẾT 2

#### 3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. *Vi trùng đi vào cơ thể con người bằng cách nào?* b. *Để phòng bệnh, chúng ta phải làm gì?* c. *Cần rửa tay như thế nào cho đúng?*).

- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. Vì trùng đi vào cơ thể con người qua thức ăn; b. Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ăn; c. Câu trả lời mở.)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

#### 4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (*Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay đúng cách trước khi ăn*).
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

### TIẾT 3

#### 5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Ăn chín, uống sôi để phòng bệnh.*)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

#### 6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh. (tranh 1: *nhúng nước, sát xà phòng lên hai bàn tay*; tranh 2: *chà sát các kẽ ngón tay*; tranh 3: *rửa sạch tay dưới vòi nước*, tranh 4: *lau khô tay bằng khăn*).
- HS và GV nhận xét.

### TIẾT 4

#### 7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu (*Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay trước khi ăn. Cần rửa tay bằng xà phòng với nước sạch.*)

- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn văn.
  - + Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
  - + Chữ dễ viết sai chính tả: *bệnh, trước, xà, nước, sạch.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
  - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Để phòng bệnh/ chúng ta phải rửa tay/ trước khi ăn./ Cần rửa tay bằng xà phòng/ với nước sạch.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
  - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
  - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
  - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

### 8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.
- GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ phù hợp.
- Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).
- Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

### 9. Trò chơi Em làm bác sĩ

- Mục đích của trò chơi: Thông qua việc nhập vai bác sĩ và bệnh nhân, HS có cơ hội phát triển các kĩ năng ngôn ngữ và mở rộng hiểu biết về vấn đề giữ gìn vệ sinh, sức khỏe.
- Cách thức: Lớp chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm khoảng 5 – 6 HS (số nhóm tùy thuộc vào sĩ số của mỗi lớp). Mỗi nhóm cử 1 người làm bác sĩ, những bạn còn lại làm bệnh nhân. Hình dung tình huống diễn ra ở phòng khám. Bác sĩ khám, chẩn đoán bệnh, và đưa ra những lời khuyên phòng bệnh.

GV có thể cho lớp biết trước những bệnh và nguyên nhân thường gặp ở trẻ em:

1. Đau bụng (do ăn quá no, ăn uống không hợp vệ sinh)
2. Sâu răng (do ăn nhiều kẹo, không đánh răng hoặc đánh răng không đúng cách)
3. Cảm, sốt (do đi ra nắng không đội mũ nón hoặc dầm mưa lâu bị lạnh)

Sau khi các nhóm thực hành, GV cho một số nhóm trình diễn trước cả lớp và cả lớp chọn ra nhóm xuất sắc.

### 10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.